

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTTH

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

V/v triển khai Công điện số 06/CĐ-TTg ngày 24/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành.
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Công điện số 06/CĐ-TTg ngày 24/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Năm 2026 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 nên có ý nghĩa rất quan trọng. Trên cơ sở kế hoạch Trung ương giao, căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh về mục tiêu tăng trưởng GRDP đạt 8% và phân đầu từ 8,8 - 9,4%, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 với mục tiêu tốc độ tăng GRDP từ 8,8 - 9,4% và Văn bản số 1317/UBND-KTTH ngày 30/01/2026 về việc cập nhật phương án tăng trưởng các sở, ban, ngành để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 của tỉnh từ 10% trở lên, cụ thể như sau:

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026	
			Phương án theo QĐ 99/QĐ-UBND)	PA phân đầu 02 con số
1	Tốc độ tăng GRDP	%	Từ 8,8 - 9,4%, phân đầu trên 10%	10,2
	- Nông, lâm, thủy sản	%	3,7 - 3,8	4,0
	- Công nghiệp và xây dựng	%	11,6 - 12,8	15,0
	+ Công nghiệp	%	11,5 - 12,5	15,0
	+ Xây dựng	%	12,7 - 13,5	15,0
	- Dịch vụ	%	9,9 - 10,4	11,0
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,0 - 9,0	7,0
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	9,5 – 10,5	10,7
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	3.100	3.500
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	27.871	32.297
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	27.082	31.508
	- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	506	506
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	218.700	220.000

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026	
			Phương án theo QĐ 99/QĐ-UBND)	PA phấn đấu 02 con số
6	Tổng lượng khách du lịch	Triệu lượt khách	15	15
7	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	35.000	35.000

Để đạt được mục tiêu trên, UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Tập trung phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô tập trung, ứng dụng công nghệ cao, gắn vùng nguyên liệu (lớn, tập trung) – chế biến sâu (nhà máy) – thị trường tiêu thụ, bảo đảm hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững. Ngành nông nghiệp phối hợp với các địa phương: (i) cung cấp thông tin về sản lượng, mùa vụ thu hoạch các loại nông sản tại các địa phương và vùng nguyên liệu để các doanh nghiệp xuất khẩu, chuỗi phân phối, bán lẻ có kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ nông sản thường xuyên và đẩy mạnh tiêu thụ khi vào chính vụ; (ii) phối hợp với các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp tập trung liên kết chặt chẽ các vùng nguyên liệu, đẩy mạnh bảo quản, chế biến, nhất là chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng.

- Chuyển giao, đưa vào sản xuất các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa vào sản xuất trồng trọt; mở rộng diện tích cây trồng tưới tiên tiến tiết kiệm nước và thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt; thiết lập, xây dựng mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói nông sản.

- Tăng cường, đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án trong lĩnh vực trồng trọt, đầu tư xây dựng các nhà máy giết mổ tập trung, hiện đại; nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi; nhà máy chế biến sản phẩm từ chăn nuôi. Tiếp tục nâng cao chất lượng con giống theo hướng an toàn sinh học, khép kín, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học trong sản xuất, phòng, chống dịch bệnh.

- Chuẩn bị kỹ nội dung, chương trình, kế hoạch tổng thể tiếp và làm việc với đoàn thanh tra của Ủy ban Châu Âu (EC) lần thứ 5, bảo đảm kết quả tốt nhất theo kế hoạch thanh tra của EC, quyết tâm gỡ “thẻ vàng” IUU trong thời gian sớm nhất.

- Chú trọng nâng cấp, mở rộng, phát triển hệ thống thủy lợi trên khu vực Gia Lai Tây nhằm khắc phục tình trạng thiếu nước tưới và mở rộng vùng sản xuất cây công nghiệp; đồng thời, phát triển mạng lưới giao thông nông thôn kết nối các khu vực.

2. Về sản xuất công nghiệp và xây dựng

a) Công nghiệp

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các Quyết định giao chỉ tiêu đầu tư, phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2026 đã được UBND tỉnh trao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi các nhà máy đang hoạt động, 100 dự án mới hoàn thành đi vào hoạt động trong năm 2025 và khoảng 120 dự án với tổng vốn đầu tư 1.300 tỷ đồng đang triển khai đầu tư xây dựng dự kiến đưa vào hoạt động sản xuất trong năm 2026... phát huy giá trị sản xuất hiện có, tạo mới giá trị sản xuất công

ngành, góp phần chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,7% (cao hơn 0,2 điểm % so với kế hoạch đầu năm), cụ thể:

+ Các nhà máy sản xuất đang hoạt động được phát huy hết công suất, tạo giá trị mới về sản xuất công nghiệp vào năm 2026 tăng 3,0 - 3,5 điểm % chỉ số SXCN.

+ Các nhà máy đã đi vào hoạt động sản xuất trong năm 2025 phát huy công suất, tạo giá trị mới về sản xuất công nghiệp vào năm 2026 tăng 4,0 - 4,5 điểm % chỉ số SXCN¹.

+ Các dự án dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2026, tạo ra giá trị mới về sản xuất công nghiệp năm 2026 phát huy giá trị SXCN tăng từ 2,0 - 2,7 điểm % chỉ số SXCN²

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt khó khăn, vướng mắc để kịp thời phản ánh, tháo gỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng sản xuất công nghiệp theo kế hoạch; giữ mối liên hệ, thường xuyên trao đổi với các hiệp hội, DN kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương và chỉ đạo của UBND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Tiếp tục xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Gia Lai (mới) thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và điều chỉnh, bổ sung nhằm thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác và nguồn năng lượng mới (hydrogen/amoniac xanh...).

b) Xây dựng

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến đầu tư xây dựng; giảm bớt sự chồng chéo, rút ngắn thời gian chờ đợi và tạo môi trường kinh doanh thông thoáng cho người dân/doanh nghiệp; cụ thể:

+ Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính áp dụng theo Quy chế Liên thông giữa các nhóm thủ tục: Đầu tư – Nông nghiệp – Môi trường – Xây dựng – Phòng cháy chữa cháy (PCCC).

+ Số hóa và Cấp phép Xây dựng trực tuyến.

+ Hồ sơ số: Sử dụng dữ liệu số (VNeID, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia) để giảm bớt việc yêu cầu người dân và doanh nghiệp nộp bản sao giấy tờ nhiều lần.

+ Cải cách "Không phụ thuộc địa giới hành chính".

+ Phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC cho các sở, ngành và UBND cấp xã nhằm tăng tính chủ động.

¹ Như: Nâng công suất nhà máy sản xuất phân bón NPK Vật tư Nông nghiệp Bình Định lên 100.000 tấn/năm; Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ, kim loại, nhựa giả mây và nệm nội, ngoại thất VidaXL; Nhà máy sản xuất gạch ngói giai đoạn 2 Takao Bình Định; Nhà máy sản xuất viên nén gỗ xuất khẩu Phú Tài; Nhà máy hàng nhôm sắt cao cấp Phú Tài Bình Định; mở rộng Nhà máy thủy điện Ya Ly 360 MW, Nhà máy sản xuất phân bón Cà Mau; Nhà máy nội thất xuất khẩu Elite Star Việt Nam; Hệ thống cấp nước KKT Nhơn Hội giai đoạn 1 Halcom Việt Nam...

² Như: Nhà máy sản xuất viên nén sinh học và chế biến vật liệu gỗ nội thất Nhơn Tân; Nhà máy chế biến sữa giai đoạn 2 Nutifood Cao Nguyên; nâng công suất Nhà máy thức ăn gia súc, gia cầm Greenfeed; Nhà máy sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe ô tô SCM; Nhà máy gia công các loại sản phẩm may mặc chất lượng cao MASCOT; Nhà máy sản xuất các sản phẩm thời trang TnB Việt Nam...

- Thẩm định và phê duyệt dự án: Tập trung đẩy nhanh thẩm định, đặc biệt dự án vốn đầu tư công và dự án lớn; tăng cường phân cấp và ứng dụng BIM.

- Kiểm tra chất lượng và tiến độ: Thường xuyên kiểm tra quản lý chất lượng thi công, đảm bảo chất lượng và thúc đẩy tiến độ, sớm đưa công trình vào sử dụng.

- Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công các dự án, công trình trọng điểm đang triển khai trên địa bàn: Đầu tư xây dựng đường cát hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát; đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; dự án Trường phổ thông nội trú liên cấp tại 07 xã biên giới trên địa bàn tỉnh và các công trình, dự án trọng điểm khác như: Dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới; Đường ven biển đoạn Cát Tiến - Diêm Vân; Tuyến đường Mỹ Thành - Lại Giang thuộc dự án Phát triển tích hợp thích ứng; các dự án tại Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa, các khu dân cư, khu tái định cư và các công trình trên lĩnh vực văn hóa, lịch sử...

3. Về thương mại, dịch vụ

- Đổi mới phương thức triển khai, tăng cường hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và các chương trình xúc tiến thương mại, kích cầu tiêu dùng. Phân đấu tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2026 đạt khoảng 220.000 tỷ đồng.

- Tăng cường các hoạt động thương mại trên môi trường số, tổ chức kết nối giao thương trực tuyến để tiếp cận nhanh chóng với thị trường quốc tế.

- Thúc đẩy các hoạt động thương mại; tăng cường xúc tiến thương mại thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; phát triển thương mại điện tử. Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong nước để phát triển thương mại, dịch vụ. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường, tiếp tục khai thác thị trường tiềm năng như Hàn Quốc, Trung Đông, châu Phi, đồng thời duy trì phát triển thị trường truyền thống quan trọng như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... Phân đấu kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD (*tăng 400 triệu USD so với kế hoạch đầu năm*).

- Tổ chức tốt Năm Du lịch quốc gia 2026, trong đó có các sự kiện thể thao, văn hóa – du lịch quy mô lớn, như: F1 H2O, đại nhạc hội, lễ hội văn hóa – du lịch, các giải giao hữu thể thao quốc tế... Các sự kiện được tổ chức xuyên suốt năm 2026, tập trung vào các thời điểm cao điểm du lịch và gắn với các không gian văn hóa, du lịch trọng điểm của tỉnh nhằm tạo sức lan tỏa, thu hút khách ngoài tỉnh, góp phần tăng trưởng mạnh lượng khách và doanh thu du lịch trong năm 2026

- Phát triển sản phẩm du lịch:

- + Tập trung phát triển và hoàn thiện các nhóm sản phẩm du lịch chủ lực của tỉnh như: du lịch biển, sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm thiên nhiên; du lịch văn hóa - lịch sử - cộng đồng; du lịch thể thao, du lịch sự kiện; du lịch MICE và du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo.

- + Tăng cường phối hợp với doanh nghiệp du lịch trong xây dựng, chuẩn hóa và thương mại hóa sản phẩm; hình thành các chuỗi sản phẩm, tuyến điểm du lịch liên kết trong tỉnh và với các địa phương lân cận, qua đó kéo dài thời gian lưu trú, gia tăng mức chi tiêu và nâng cao chất lượng trải nghiệm của du khách.

- + Năm 2026, phát triển 06 sản phẩm du lịch mới, gồm: (1) Xã Tơ Tung: phát

triển sản phẩm du lịch cộng đồng tại làng Mơ Hra-Đáp; (2) Xã Ia Krái: phát triển sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử, về nguồn tại Di tích Chiến thắng Chư Nghé và Bến đò A Sanh; (3) Phường Diên Hồng: phát triển mô hình phố ẩm thực ban đêm đường Nguyễn Thiện Thuật; (4) Phường Pleiku: phát triển mô hình phố ẩm thực ban đêm đường Phùng Hưng; (5) Xã An Hòa: phát triển sản phẩm du lịch sinh thái thác Giáng Tiên (thác 4 tầng); (6) Xã Biển Hồ: phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng làng Ia Nueng.

- Phát triển thị trường khách du lịch quốc tế, ưu tiên các thị trường truyền thống và tiềm năng phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, các nước ASEAN; gắn phát triển thị trường với hoạt động xúc tiến tại các hội chợ, sự kiện du lịch quốc tế và mở rộng kết nối hàng không. Tổ chức khảo sát và triển khai các hoạt động liên kết phát triển du lịch, tổ chức các chương trình giới thiệu điểm đến, giới thiệu các sự kiện Năm Du lịch quốc gia Gia Lai 2026 tại các thị trường khách du lịch tiềm năng trong và ngoài nước.

4. Về tài chính, ngân sách

- Xây dựng kịch bản thu ngân sách nhà nước cụ thể theo từng quý, từng tháng; kịp thời cập nhật, điều chỉnh kịch bản theo tình hình thực tế trong năm.

- Đối với các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí: Tập trung nguồn lực chính thu từ khối sản xuất kinh doanh; trong đó tập trung chủ yếu nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo; nhóm ngành Bán buôn hàng hóa dịch vụ; nhóm ngành Sản xuất, Truyền tải và Phân phối điện; nhóm ngành kinh doanh Bất động sản; nhóm ngành Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Thủy sản; nhóm hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

- Các cơ quan đơn vị quản lý, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội ban hành kế hoạch thực hiện chi tiết đến từng đối tượng thực hiện theo phân kỳ hàng tháng để đảm bảo GRDP tăng trưởng từ 10% trở lên nhằm tác động tăng thu NSNN năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Ngành thuế ban hành và thực hiện kế hoạch, các giải pháp, biện pháp thu thuế, phí, lệ phí chi tiết đến từng Thuế Cơ sở, Đối thuế và đối tượng nộp thuế đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời và thu văn minh. Phần đầu thu NSNN (trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức lợi nhuận sau thuế, xổ số kiến thiết) vượt trên 10% so với dự toán HĐND tỉnh giao.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan thực hiện kế hoạch thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất theo Kế hoạch UBND tỉnh ban hành và thực hiện các giải pháp thu NSNN khác còn lại. Phần đầu thu tiền sử dụng đất toàn tỉnh đạt trên 15.000 tỷ đồng; trong đó cấp tỉnh thực hiện 12.000 tỷ đồng (*triển khai thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 8120/UBND-KTTH ngày 17/12/2025 về Kế hoạch thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2026*).

5. Về đầu tư công

- Xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2026 của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan được giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát sát sao việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, đến hết quý I/2026 đạt trên 15%, đến hết quý II/2026 đạt trên 35%, hết quý

III/2026 đạt trên 60%; đến hết quý IV/2026 đạt trên 90% (riêng kế hoạch vốn năm 2025 được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2026 đạt 100%) và đến hết ngày 31/01/2027 phần đầu giải ngân 100% vốn đầu tư công kế hoạch vốn năm 2026.

- Thực hiện nghiêm việc rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn năm 2026 giữa các dự án theo các đợt đã được quy định các mốc thời gian cụ thể tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 10/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2026.

- Các cấp, các ngành, các chủ đầu tư phải tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát tiến độ và chất lượng các dự án xây dựng đã phân cấp và giao nhiệm vụ quản lý. Tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong các khâu thẩm định, phê duyệt dự án; giao đất và bồi thường GPMB để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

6. Về thu hút đầu tư

- Tích cực mời gọi, thu hút các dự án đầu tư có quy mô lớn, sử dụng nhiều lao động và quy trình sản xuất hiện đại vào Khu kinh tế Nhơn Hội, Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và các khu, cụm công nghiệp đã quy hoạch để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Huy động mọi nguồn vốn nhằm đáp ứng yêu cầu chi đầu tư; đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương nhằm tăng nguồn cho đầu tư các công trình trọng điểm trên địa bàn (theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ).

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, lâm nghiệp, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thời gian hoàn tất các thủ tục triển khai dự án ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp là 60 ngày và dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp là 38 ngày.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tối đa còn 3 giờ kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; tiếp tục rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính khác.

- Tăng cường hiệu quả cơ chế Tổ công tác do UBND tỉnh thành lập làm việc với từng doanh nghiệp, nhà đầu tư; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các dự án đầu tư.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TT.PVHCC, T3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh